

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TRÀ VINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 67/2018/DSST
Ngày: 23/8/2018
Về việc Ly hôn, tranh chấp
nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH

- Thành Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Kim Thị Ngọc Thu.

- Hội thẩm nhân dân: Ông Vương Hoàng Phúc

Ông Huỳnh Ngọc Song.

- Thư ký phiên tòa: Bà Kiên Thị Minh Hiếu, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Hồng Lánh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tiến hành đưa ra xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 198/2018 HNGĐ-ST ngày 02/5/2018 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 110/2018/QĐXX-ST ngày 08/8/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Ng. T H, sinh năm 1985 (có mặt).

Địa chỉ: ấp N , xã M, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn: Anh H. V. T , sinh năm 1980 (vắng – có đơn xin giải quyết vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã C, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN;

Theo đơn khởi kiện đề ngày 26 tháng 4 năm 2018 và lời khai trong quá trình tố tụng, chị Ng. T H là nguyên đơn trình bày:

Chị với anh H. V. T kết hôn vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh. Trước khi kết hôn với anh T , chị đã có một người con riêng nhưng chị gửi mẹ ruột nuôi dưỡng. Quá trình chung sống, lúc đầu có hạnh phúc, nhưng sau đó anh T không tin tưởng nhau, do gia đình chị nghèo hơn gia đình anh T nên anh T nghi ngờ chị lấy tài sản bên chồng về cho gia đình mình. Vì

vậy, đến năm 2012 chị về nhà cha mẹ ruột ở hai người sống ly thân cho tới nay. Nay thấy tình cảm không còn thương, mục đích hôn nhau không đạt được nên chị yêu cầu ly hôn với anh T .

Về con chung: Có 01 người con chung tên H. T. K. Ng, sinh ngày 26/12/2008 tùy theo sự quyết định của con, hiện con đang sống với anh T , nếu con sống với chị thì không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, anh Nguyễn Văn T vắng mặt; chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh H. V. T .

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

+ Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định pháp luật về nhiệm vụ, quyền hạn tại Điều 48 Bộ luật Dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ theo Điều 97 và 99 Bộ luật tố tụng Dân sự.

+ Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Vị đại diện Viện kiểm sát đã phân tích nội dung vụ án, đánh giá chứng cứ do các bên cung cấp, chứng cứ do Tòa án thu thập có trong hồ sơ vụ án. Trên cơ sở lời khai, lời trình bày, tranh luận tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 55, Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho chị Ng. T H ly hôn với anh H. V. T . Giao cháu H. T. K. Ng, sinh ngày 26/12/2008 cho anh H. V. T trực tiếp nuôi dưỡng theo nguyện vọng của con chung. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung không có nên không đặt ra giải quyết. (Có bài phát biểu kèm theo)

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nghe lời trình bày của các đương sự và được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Các đương sự tranh chấp với nhau về ly hôn. Xác định đây là quan hệ pháp luật “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh H. V. T .

- Về hình thức: chị Ng. T H với anh H. V. T xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2006, đến năm 2011 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp. Nay phát sinh mâu thuẫn, chị H có đơn ly hôn với anh T. Xét tư cách khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án:

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị H với anh T xác lập quan hệ vợ chồng với nhau do mai mối và tiến đến hôn nhân vào năm 2006 nhưng đến năm 2011 chị H với anh T mới đăng ký kết hôn tại UBND xã Mỹ Chánh. Quá trình chung sống chị H với anh T thời gian đầu sống có hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống.

Theo chị H cho rằng trước khi kết hôn với anh T, chị có một đời chồng và có một người con, chị phải gửi con cho mẹ ruột nuôi, Anh T luôn nghi ngờ chị lấy tài sản bên nhà anh T về cho gia đình chị, từ đó mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và hai người ly thân với nhau từ 2012 đến nay.

Đối với anh H. V. T có đơn xin xét xử vắng mặt. Tại biên bản ghi lời khai ngày 08/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, anh T thừa nhận có xác lập quan hệ hôn nhân với chị Ng. T H. Lúc đầu, vợ chồng có hạnh phúc và có một người con chung tên Huỳnh Thị Kiều Ng. Sau đó vợ chồng thường cự cãi với nhau nên chị H về nhà cha mẹ ruột ở từ năm 2012 đến nay. Anh có kêu chị H trở về sống với anh để lo cho gia đình và con cái nhưng chị H không quay về; Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn hàn gắn được nên anh đồng ý ly hôn với chị H, về con chung anh T yêu cầu được nuôi dưỡng và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: anh T khai không có. Do anh T bận đi làm thuê nên anh có đơn xin xét xử vắng mặt.

Hội đồng xét xử xét thấy trong thời gian ly thân giữa chị H và anh T đã bỏ mặc nhau, không còn quan tâm chăm sóc nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H yêu cầu ly hôn với anh T và anh T cũng đồng ý ly hôn với chị H nên Hội đồng xét xử xử cho chị H với anh T ly hôn nhau là có căn cứ.

[3] Về con chung: cháu H. T. K. Ng có đơn xin xét xử vắng mặt, nguyện vọng của cháu Kiều Ng là yêu cầu được sống với cha là anh H. V. T. Do đó, xét yêu cầu của anh H. V. T yêu cầu được nuôi dưỡng con chung là phù hợp với nguyện vọng của con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu H. T. K. Ng, sinh ngày 26/12/2008 cho anh H. V. T tiếp tục nuôi dưỡng, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về phần cấp dưỡng nuôi con: hai bên không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Buộc chị Ng. T H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Xét thấy, lời đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát là phù hợp và có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147, Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Căn cứ Điều Điều 55, Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ng. T H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Ng. T H được ly hôn với anh H. V. T .

2. Về con chung: Giao cháu H. T. K. Ng, sinh ngày 26/12/2008 cho anh H. V. T được tiếp tục nuôi dưỡng theo nguyện vọng của con chung.

3. Về phân cấp dưỡng nuôi con: Hai bên không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Chị H được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai có quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về án phí: Buộc chị Ng. T H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, số tiền này được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp tại biên lai thu tiền số 0016314 ngày 26/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh nên chị Ng. T H không phải nộp nữa.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã, phường nơi cư trú.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND H. Châu Thành;
- CC THADS H. Châu Thành;
- Các đương sự;
- UBND xã C;
- Lưu hồ sơ.

Kim Thị Ngọc Thu

